

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 15 /2024/DS-ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Quỳ và bà Triệu Thị Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy – Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1965.

Nơi ĐKNKTT: Xóm Ngọc Đồng, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà **Đào Thị Th**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đào Thị Ph**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xóm Ngọc Đồng, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Bùi Văn T trình bày:

Ông Bùi Văn T và bà Đào Thị Ph kết hôn năm 1990, trong quá trình chung sống vợ chồng ông có một số tài sản chung, trong đó có 02 thửa đất (01 thửa đất thổ cư rộng 2796m² tại xã Võ Miếu và 01 thửa đất lâm nghiệp rộng 12.000m²) ở xã Võ Miếu là ông bà nhờ chị gái bà Ph là bà Đào Thị Th đứng tên. Nguồn gốc của hai thửa đất trên là thời ông cha ông T khai hoang và để lại cho vợ chồng ông tiếp tục canh tác và sử dụng. Năm 2009 bà Th đã làm thủ tục sang tên thửa đất lâm nghiệp sang tên vợ chồng ông T bà Ph nhưng do vợ chồng ông bà mâu thuẫn nên bà Th dừng lại, không làm nốt thủ tục. Đến năm 2013 vợ chồng ông T, bà Ph ly hôn, trong biên bản làm việc tại Tòa án, việc giải quyết tài sản có thống nhất về 02 thửa đất trên, trong đó bà Ph được quyền sử dụng thửa đất thổ cư rộng 2796m² tại xã Võ Miếu, ông T được quyền sử dụng thửa đất lâm nghiệp rộng 12.000m² tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, số thửa 641, tờ bản đồ số F48.103. A.C.3 cấp ngày 20/10/2000 đứng tên bà Th. Nhưng phần về tài sản ông bà tự thống nhất được với nhau nên rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án ghi nhận hay giải quyết trong bản án. Sau khi vợ chồng ông bà ly hôn, bà Th đã chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất thổ cư rộng 2796m² tại xã Võ Miếu cho bà Ph. Tuy nhiên từ khi ly hôn xong bà Th không hợp tác làm thủ tục sang tên cho ông T mặc dù ông T vẫn cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế vẫn đang sử dụng thửa đất trên. Nay ông T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn xét xử cho ông được tiếp tục sử dụng thửa đất trên và buộc bà Th phải hoàn thiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông thuận tiện và đảm bảo quyền lợi của ông trong quá trình sử dụng thửa đất nói trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đào Thị Th trình bày:

Bà Th là chị gái của bà Đào Thị Ph (bà Ph là vợ trước đây của ông T, bà Ph và ông T đã ly hôn năm 2013). Trước kia vợ chồng ông T, bà Ph có nhờ bà Th đứng tên 02 thửa đất, 01 thửa là đất thổ cư và 01 thửa là đất lâm nghiệp. Năm 2009, bà Th đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất lâm nghiệp để sang tên cho vợ chồng ông T, bà Ph nhưng khi đó vợ chồng ông bà T Ph mâu thuẫn nên dừng lại không thực hiện tiếp. Đến năm 2013, vợ chồng ông T và bà Ph ly hôn, khi đó bà Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến

để giải quyết vụ án. Khi Tòa án hòa giải về tài sản cả bà Th, ông T, bà Ph đều thống nhất bà Ph được quyền sử dụng thửa đất thổ cư 2796m² tại xã Võ Miếu. Còn thửa đất lâm nghiệp 12.000m² cũng đứng tên bà Th thì ông T được quyền sử dụng và cũng chính là thửa đất hiện nay ông T đang khởi kiện đối với bà. Các bên cũng thống nhất về phần đất khai hoang bên cạnh thửa đất đang tranh chấp, có diện tích khoảng 2000m² chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hiện nay bà Th vẫn đang quản lý và sử dụng thì bà Th được quyền sử dụng, ông T không có quyền can thiệp. Sau khi ông T bà Ph ly hôn, bà Th đã sang tên thửa đất thổ cư cho bà Ph, còn ông T bà chưa sang tên. Nay ông T khởi kiện, quan điểm của bà Th là nhất trí trả lại cho ông T và hoàn thiện mọi thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với điều kiện bà phải làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bà đang ở và sử dụng ở bên cạnh rộng khoảng 2000m². Phần đất này của bà Th khai hoang từ năm 1991 nhưng ông T nói rằng của ông T, gây khó khăn cho bà Th trong quá trình canh tác sử dụng và không ký vào giấy tờ cho bà Th hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy đối với yêu cầu của ông T, bà Th chỉ đồng ý khi đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong đối với thửa đất của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đào Thị Ph trình bày:

Ông Bùi Văn T và bà Đào Thị Ph kết hôn năm 1990, trong quá trình chung sống vợ chồng ông có tạo dựng nên một số tài sản trong đó có 02 thửa đất (01 thửa đất thổ cư rộng 2796m² tại xã Võ Miếu và 01 thửa đất lâm nghiệp rộng 12.000m² ở xã Võ Miếu) là ông bà nhờ chị gái bà Ph là bà Đào Thị Th đứng tên. Năm 2009 bà Th đã làm thủ tục sang tên thửa đất lâm nghiệp sang tên vợ chồng ông T bà Ph nhưng do vợ chồng ông bà mâu thuẫn nên dừng lại. Đến năm 2013 vợ chồng ông T, bà Ph ly hôn, trong việc giải quyết tài sản có thống nhất về 02 thửa đất trên, trong đó bà Ph được quyền sử dụng thửa đất thổ cư rộng 2796m² tại, ông T được quyền sử dụng thửa đất lâm nghiệp rộng 12.000m² tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, số thửa 641, tờ bản đồ số F48.103. A.C.3 cấp ngày 20/10/2000 đứng tên bà Th. Nay ông T vẫn cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế vẫn đang sử dụng thửa đất trên. Đó là phần đất của ông T, khi ly hôn hai bên tự thống nhất chia xong, phần đất của bà Ph thì bà đã sang tên và đang sử dụng. Còn phần đất của ông T 12.000m² đất lâm nghiệp bà Ph cũng nhất trí đề nghị bà Th sang tên cho ông T với điều kiện ông T không được can thiệp gì phần đất của bà Th đang sử dụng, phần đất bà Th đang sử dụng hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 166, Điều 167, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Áp dụng các Điều 163, Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi của ông Bùi Văn T với bà Đào Thị Th.

Ông Bùi Văn T được tiếp tục sở hữu tài sản trên đất và được quyền sử dụng đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ F48,103.AC3 tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Buộc bà Đào Thị Th có nghĩa vụ phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ F48,103.AC3 tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ có diện tích là 12.000m² cho ông Bùi Văn T.

Ông Bùi Văn T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Bà Đào Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn ông Bùi Văn T khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất (làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), thửa đất tại xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn với bị đơn bà Đào Thị Th, có địa chỉ tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông T cung cấp hợp đồng chuyển nhượng đang được thực hiện trước đây giữa hai bên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án xác định ông T yêu cầu bà Th làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với phần đất tại xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Xác định đây là tranh chấp chung về quyền sử dụng đất do vậy TAND huyện Thanh Sơn xác định đây là vụ án về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[2].Về nội dung vụ án:

Theo lời khai và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được thì thấy:

Ông T và bà Đào Thị Ph kết hôn năm 1990, trong quá trình chung sống vợ chồng ông có một số tài sản trong đó có 02 thửa đất (01 thửa đất thổ cư rộng 2796m² tại xã Võ Miếu và 01 thửa đất lâm nghiệp rộng 12.000m² ở xã Võ Miếu) là ông bà nhờ chị gái bà Ph là bà Đào Thị Th đứng tên. Năm 2009 bà Th đã làm thủ tục sang tên thửa đất lâm nghiệp cho vợ chồng ông T bà Ph nhưng do vợ chồng ông bà mâu thuẫn nên dừng lại. Đến năm 2013 vợ chồng ông T, bà Ph ly hôn, trong việc giải quyết tài sản có thống nhất về 02 thửa đất trên, trong đó bà Ph được quyền sử dụng thửa đất thổ cư rộng 2796m² tại xã Võ Miếu, ông T được quyền sử dụng thửa đất lâm nghiệp rộng 12.000m² tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, số thửa 641, tờ bản đồ số F48.103. A.C.3 cấp ngày 20/10/2000 đứng tên bà Th. Tuy nhiên sau đó phần về tài sản ông bà tự thống nhất được với nhau nên không yêu cầu Tòa án ghi nhận hay giải quyết trong bản án và rút yêu cầu về tài sản. Sau khi ông T, bà Ph ly hôn thì bà Th đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho bà Ph đối với thửa đất thổ cư rộng 2796m² tại xã Võ Miếu. Về nội dung này cả ông T, bà Th và bà Ph đều xác nhận là đúng.

Qua xác minh tại UBND xã Võ Miếu và khu dân cư xác định: Về hiện trạng sử dụng thửa đất số 641, tờ bản đồ F48,103.AC3 tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.000m² hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà

Đào Thị Th. Tuy nhiên đối với thửa đất này, thực tế ông Bùi Văn T và bà Đào Thị Ph đã sử dụng ổn định lâu dài trước đó để trồng cây lâm nghiệp. Đến năm 2000 thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đào Thị Th nhưng thực tế gia đình ông T vẫn trực tiếp sử dụng canh tác. Từ khi ông T và bà Ph ly hôn thì ông T là người trực tiếp canh tác và sử dụng. Bà Th chỉ canh tác phần đất trồng chè, tiếp giáp thửa đất này. Từ năm 2016 ông T đã xây nhà trên phần diện tích đất đó và sinh sống ổn định đến nay.

Như vậy có căn cứ để xác định thửa đất số 641, tờ bản đồ F48,103.AC3 thực tế từ trước đến nay ông T là người quản lý và sử dụng. Bà Th và bà Ph cũng xác nhận việc bà Th chỉ là người đứng tên hộ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phía bà Th và bà Ph nhất trí trả lại cho ông T và hoàn thiện mọi thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với điều kiện bà phải làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bà đang ở và sử dụng ở bên cạnh rộng khoảng 2000m² (phần đất này của bà Th trình bày là do bà khai hoang từ năm 1991 nhưng ông T nói rằng của ông T, gây khó khăn cho bà trong quá trình canh tác, sử dụng và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tuy nhiên HĐXX thấy rằng việc bà Th chỉ nhất trí sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng cho một thửa đất khác là không phù hợp vì nguyên đơn là ông Bùi Văn T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thủ tục sang tên đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ F48,103.AC3 nên HĐXX chỉ xem xét nội dung này. Đối với việc bà Th yêu cầu bà phải làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bà đang ở và sử dụng ở bên cạnh rộng khoảng 2000m² không nằm trong phạm vi giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Sơn cũng đã giải thích nhưng bà Th không có ý kiến gì. Trường hợp các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

Từ những nhận định trên, căn cứ **khoản 1 Điều 163, khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 167 của Luật đất đai** thì ông Bùi Văn T có quyền của người sử dụng đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ F48,103.AC3. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc bà Đào Thị Th phải hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông T.

Nguyên đơn – ông Bùi Văn T được tiếp tục sở hữu toàn bộ tài sản trên đất và được quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ F48,103.AC3 tại xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn – ông Bùi Văn T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 166, Điều 167, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất (Làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất) của ông Bùi Văn T đối với bà Đào Thị Th.

Ông T được tiếp tục sở hữu toàn bộ tài sản trên đất và được quyền sử dụng thửa đất số 641, tờ bản đồ F48.103.AC3 tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đào Thị Th, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00561 ngày 20/10/2000.

Buộc bà Đào Thị Th có nghĩa vụ phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ F48.103.AC3 tại xóm Tân Bình, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ có diện tích là 12.000m² cho ông Bùi Văn T.

Ông Bùi Văn T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, nguyên đơn – ông Bùi Văn T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận Nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Buộc bà Đào Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Bùi Văn T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0004297 ngày 17/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Võ Miếu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Duyên Hòa